

KẾT TỬ ĐỒNG HƯỚNG VỚI VIỆC TỔ CHỨC LẬP LUẬN TRONG TIẾNG VIỆT

ROLE OF SAME - DIRECTION CONNECTORS

IN ORGANIZING VIETNAMESE ARGUMENTATIONS

NGUYỄN THỊ THU TRANG

(ThS, Khoa Văn-Xã hội, ĐHKH, Đại học Thái Nguyên)

Abstract

The connector linking argument(s) and conclusion(s) plays an important role in organizing argumentation. In this research, the role of connectors is made clear by analyzing the operation and functions of the same-direction connectors in Vietnamese argumentations. The results show that same-direction connectors organize argumentations in terms of controlling the number and order of argumentative elements as well as the direction and argumentative effects of reasons and evidences.

1. Dẫn nhập

Trong lập luận, kết tử (connectors) là những yếu tố thực hiện chức năng liên kết, phối hợp các phát ngôn thành luận cứ (viết tắt: LC, kí hiệu: p) và kết luận (viết tắt: KL, kí hiệu: r) của lập luận. Kết tử lập luận “là những dấu hiệu có tính quy ước, được các thành viên trong một cộng đồng ngôn ngữ chấp nhận”, và cứ xuất hiện những dấu hiệu này thì “nhất định phải tổ chức lập luận tức tổ chức quan hệ giữa luận cứ và kết luận sao cho phù hợp với chúng” [2,176]. Vì vậy, trong quá trình tạo lập cũng như lĩnh hội ý nghĩa lập luận, việc hiểu và nắm bắt vai trò của kết tử có ý nghĩa rất quan trọng. Trong bài viết này, vai trò của kết tử sẽ được phân tích và làm sáng tỏ thông qua sự chi phối của kết tử đồng hướng với tổ chức lập luận trên hai phương diện cơ bản: 1/ số

lượng và trật tự sắp xếp LC và KL; 2/ quan hệ giữa các thành phần lập luận.

Kết tử lập luận trong tiếng Việt có thể được phân loại dựa trên một số tiêu chí khác nhau. Dựa trên tiêu chí *sự chi phối của kết tử với số lượng vị trí trong thành phần lập luận*, kết tử có thể chia thành *kết tử hai vị trí* (KT2VT) và *kết tử ba vị trí* (KT3VT) [2, 184]. KT2VT chỉ yêu cầu hai phát ngôn - một nêu LC, một nêu KL - là đã hoàn chỉnh một lập luận, không nhất thiết phải có thêm phát ngôn - LC thứ ba (mặc dầu vẫn có thể thêm một số phát ngôn bổ sung, đồng hướng khác). (Thí dụ 1: “Vì một (p) nên tôi nghĩ học (r)”, ta có vì...nên là KT2VT). KT3VT thì đòi hỏi tối thiểu ba phát ngôn - hai phát ngôn nêu LC, một phát ngôn nêu KL - mới hoàn chỉnh một lập luận. (Thí dụ 2: “Cái xe này rẻ (p1) nhưng không bền

(p2), đừng mua (r).”, ta có *nhưng* là KT3VT).

Dựa trên tiêu chí *khả năng biểu thị quan hệ định hướng lập luận*, nhóm KT3VT có thể chia thành *kết từ đồng hướng* (KTĐH) và *kết từ nghịch hướng* (KTNH) [2, 186]. Ta có: *nhưng, tuy...nhưng, tuy vậy/ tuy thế, thế mà/ vậy mà...* là các KTNH, thể hiện quan hệ nghịch hướng giữa các LC trong lập luận. (Ở thí dụ 2, *nhưng* là KTNH, thể hiện quan hệ trái chiều giữa p1 và p2 với r, trong đó: p1 $\rightarrow$ - r, p2 $\rightarrow$ r). Ta có: *và lại, hướng hồ, hơn nữa, thêm vào đó...* là các KTĐH, thể hiện quan hệ tương hợp giữa các LC với KL. (Thí dụ 3: “Cái xe này rẻ (p1), hơn nữa lại bền (p2), mua đi (r). Ta có: *hơn nữa* là KTĐH, đánh dấu các luận cứ p1 và p2 đều hướng đến r: p1 $\rightarrow$ r, p2 $\rightarrow$ r). Như vậy, *KTĐH là tên gọi của những KT3VT thể hiện quan hệ đồng hướng giữa các LC, phân biệt với các KT3VT khác thể hiện quan hệ nghịch hướng giữa các LC với KL*.

Trong tiếng Việt, nhóm KTĐH có số lượng khá lớn. Theo [2], [4] và kết quả khảo sát của chúng tôi, các từ/ tổ hợp từ như: *và, mà, và, và lại, và chẳng, với lại, thêm vào đó, ngoài ra, hướng, hướng hồ, hướng chỉ, hướng nữa, hướng gì, lại, lại nữa, hơn nữa, lại thêm, nữa là, một phần nữa, ...* hoặc các cặp từ như: *chẳng những/không những...còn/ mà còn, đã...lại/lại còn...* đều có thể thực hiện chức năng của KTĐH trong lập luận.

2. Sự chi phối của KTĐH với việc tổ chức lập luận trong tiếng Việt

2.1. KTĐH với số lượng và trật tự sắp xếp LC và KL

2.1.1. Kết quả phân loại kết từ ở trên cho thấy: KTĐH thuộc loại KT3VT, do đó, lập luận sử dụng loại kết từ này ở dạng hoàn chỉnh phải có tối thiểu 2 LC và KL. Thí dụ:

(4) a. “Anh đừng lo cho cháu (r), đi đâu cũng có bạn bè (p1), *với lại* nó cũng khôn rồi (p2)” [6, 1106].

b. “Một năm sâu ăn, mấy năm lúa mất mùa, nước lụt thành ra hết sạch cả (p1). *Lại thêm* một vài cái kiện vì rắc rối trong họ (p2), thế là gia tài khánh kiệt (r)” [10, 72].

Ta có thể mô hình hóa cấu trúc các lập luận trên như sau:

Thí dụ	Cấu trúc lập luận
(4a)	$r \leftarrow p1 \text{ (với lại) } p2$
(4b)	$p1 \text{ (lại thêm) } p2 \rightarrow r$

Lập luận (4a) và (4b) đều sử dụng KTĐH (*với lại, lại thêm*) để dẫn nhập LC bổ sung p2. Xét về phương diện thành phần lập luận, hai lập luận trên đều có thành phần bao gồm 2 LC (p1, p2) và KL (r). Cả hai lập luận đều đã hoàn chỉnh với số lượng LC và KL phù hợp với loại kết từ mà lập luận sử dụng.

Có thể khẳng định rằng: kết từ là yếu tố chi phối trực tiếp tới số lượng LC và KL tối thiểu trong thành phần lập luận. Vì KTĐH là loại kết từ chuyên dẫn nhập LC bổ sung nên ta có thể xác định *số lượng LC tối thiểu của lập luận* (kí hiệu: So) qua công thức sau: $So = Sk + 1$ (Sk: số lượng KTĐH được sử dụng). Nếu lập luận sử dụng 1 KTĐH ($Sk = 1$), số lượng LC tối thiểu là 2 ($So = 2$) (xem các thí dụ 3, 4). Nếu lập luận sử dụng 2 KTĐH ($Sk = 2$), lập luận đó phải đảm bảo số lượng LC tối thiểu là 3 LC ($So = 3$)... Thí dụ:

(5) a. “Tóm lại thì anh hay tôi đều không muốn lấy con Lân (p1). *Và lại* muốn cũng chẳng được nào: nó cảm thẳng Mô chứ có cảm chúng mình đâu (p2). *Với lại* chúng mình có vợ rồi (p3). Hãy xếp chuyện con Lân lại (r)”. [12, 639]

b. “Không đời nào một người đàn bà nhà quê, con một nhà danh giá, làm như thế (r). Họ sợ tai tiếng nhiều lắm chứ! [...] (p1). Ấy là một lẽ. *Lẽ thứ hai là*, ở nhà quê người ta phải làm quần quật suốt ngày, đêm đến lại còn con bú con khóc. Còn rồi lúc nào mà nghĩ những chuyện bậy bạ (p2). *Với lại*, nói cho đến cùng, thì các thím ấy lấy được người chồng như chú với chú San là nhất

làng rồi. Còn ai hơn nữa mà phải đứng núi này trông núi nọ (p3)” [12, 668].

Ta có thể biểu diễn cấu trúc các lập luận trên như sau:

Thí dụ	Cấu trúc lập luận
(5a)	$p1$ (và lại) $p2$ (với lại) $p3 \rightarrow r$
(5b)	$r \leftarrow p1$ (lẽ thứ hai là) $p2$ (với lại) $p3$

Thí dụ (5a) và (5b) đều sử dụng 2 KTĐH để dẫn nhập các LC bổ sung ($p2$, $p3$). Các lập luận trên với thành phần LC bao gồm 3 thành tố ($p1$, $p2$, $p3$) đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng LC tối thiểu trong một lập luận sử dụng 2 KTĐH ($So = 3$).

Thực tế cho thấy, có những LC bổ sung xuất hiện không cần kết tử dẫn nhập cho nên KTĐH chỉ *chi phối số lượng LC tối thiểu chứ không hạn chế số lượng LC tối đa*. Điều đó có nghĩa là: trong một lập luận có sử dụng KTĐH, số lượng LC thực tế có thể lớn hơn số lượng LC tối thiểu. Thí dụ:

(6) “ - Tình hình nguy lắm rồi, mình ạ. Tôi sợ khó mà được hết năm nay (r).

- Sao vậy?

- Giấy khan lắm! ($p1$). Việc in, việc xuất bản bị hạn chế rất gắt gao. ($p2$)

- Với lại cái lúc khó khăn thế này, việc gì mà chả khó ($p3$)” [12, 390].

Lập luận (6) có thể biểu diện qua mô hình: $r \leftarrow p1$, $p2$ (với lại) $p3$. Lập luận trên chỉ sử dụng 1 KTĐH (với lại) nhưng thành phần LC mở rộng gồm 3 LC ($p1$, $p2$, $p3$). Như vậy, số lượng LC thực tế (3 LC) lớn hơn số lượng LC tối thiểu ($So = 2$).

2.1.2. Trong lập luận, các thành phần LC và KL thường được sắp xếp theo một trật tự nào đó. Thông thường, ở những lập luận dạng hai vị trí (gồm 1 vị trí của LC và 1 vị trí của KL), LC có thể đi trước hoặc xuất hiện sau KL. Ở những lập luận dạng ba vị trí (với 2 vị trí của LC và 1 vị trí của KL), thành phần KL có thể đi trước, có thể đi sau hoặc nằm xen giữa các LC trong lập luận.

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi và kết quả nghiên cứu ở [4], đa phần KTĐH có thể tổ chức lập luận dạng ba vị trí theo 3 kiểu khác nhau:

Kiểu	Trật tự LC và KL	Cấu trúc lập luận
Kiểu 1	Các LC đi trước KL	$p1$ (k) $p2 \rightarrow r$
Kiểu 2	Các LC đi sau KL	$r \leftarrow p1$ (k) $p2$
Kiểu 3	KL nằm giữa các LC	$p1 \rightarrow r$ (k) $p2$
k: kết tử đồng hướng		

Dưới đây là minh họa cho dạng lập luận ba vị trí sử dụng kết tử *và lại* có trật tự sắp xếp các thành phần LC và KL theo 3 kiểu khác nhau:

(7) a. “Một tối hôm nay, kiểm bằng ba bốn ngày thường ($p1$). *Và lại*, toàn khách lăm tiền, bước lên xe không thêm mặc cả, cốt để diện với gái, hơn là ra dáng ta có từ tâm ($p2$). Thì anh bỏ làm sao dịp kiểm ăn để dài và không vất vả này (r).” [13, 219 – 220]

b. “- Hừ, không dạy...(r). Mình còn yếu lắm, cứ nghỉ ngơi bao giờ thật khỏe ($p1$), *và lại* lần này có khỏe rồi tôi cũng chẳng để cho mình đi dạy học. Dạy học hại người lắm ($p2$).” [12, 363].

c. Hôm nay chúng mình đều rảnh ($p1$), đi xem phim đi (r). *Và lại*, nghe nói phim này hay lắm ($p2$).

Phân tích các lập luận trên ta có:

+ Cấu trúc lập luận (7a): $p1$ (và lại) $p2 \rightarrow r$. Trật tự sắp xếp theo kiểu 1: các LC đi trước KL.

+ Cấu trúc lập luận (7b): $r \leftarrow p1$ (và lại) $p2$. Trật tự sắp xếp theo kiểu 2: các LC đi sau KL.

+ Cấu trúc lập luận (7c): $p1 \rightarrow r$ (và lại) $p2$. Trật tự sắp xếp theo kiểu 3: KL nằm giữa các LC.

Ở những lập luận sử dụng nhiều KTĐH với thành phần LC gồm hơn 2 LC, các

KTĐH cũng có thể tổ chức lập luận theo 3 kiểu như trên. Thí dụ như ở (5a), các LC đi trước KL: p_1 (và lại) p_2 (với lại) $p_3 \rightarrow r$. Ở thí dụ (5b), KL lại đi trước các LC: $r \leftarrow p_1$ (lẽ thứ hai là) p_2 (với lại) p_3 . Còn thí dụ dưới đây là một minh họa cho trường hợp lập luận sử dụng nhiều KTĐH có thành phần KL nằm xen giữa các LC:

d. “Hai cô cháu sống trong một cái nhà tre cách vườn của Chí Phèo bởi con đê; hẩn ở ngoài bãi, hai người ở trong xóm (p_1). Có lẽ chính vì thế mà Thị Nở không sợ cái thằng mà cả làng sợ (r). Gần gũi lâu cũng sinh quen, mà quen thì ít khi còn sợ. Những người trông coi vườn bách thú thường bảo rằng hổ báo hiền y như mèo (p_2). Và lại có lí nào để thị sợ hẩn đâu? Người ta không ai sợ kẻ khác phạm đến cái xấu, cái nghèo, cái ngán ngơ của mình, mà thị lại chỉ có ba cái ấy... (p_3) Một phần nữa cũng bởi Chí Phèo ít khi ở nhà, mà ở nhà thì hẩn lại hiền lành, ai có thể ác trong khi ngủ? Hẩn chỉ về nhà để ngủ (p_4).” [12, 50]

Lập luận trên sử dụng 2 KTĐH là *và lại* và *một phần nữa* để dẫn nhập các LC bổ sung p_3 và p_4 . Lập luận có thành phần LC mở rộng bao gồm 4 LC và KL trong đó KL nằm xen giữa các LC. Ta có cấu trúc lập luận (7d) như sau:

Thí dụ	Cấu trúc lập luận
(7d)	$p_1 \rightarrow$ (vì thế) r , p_2 (và lại) p_3 (một phần nữa) p_4

Bên cạnh những KTĐH có khả năng tổ chức lập luận theo cả 3 kiểu như trên, một số KTĐH khác như các cặp từ/ tổ hợp từ *chẳng những/ không những...còn/ mà còn*, *đã/ đã thế...lại/ lại* còn chỉ tổ chức lập luận theo hai kiểu: kiểu 1 - LC đi trước KL hoặc kiểu 2 - LC đi sau KL. Tương ứng ta có hai dạng cấu trúc lập luận: (k_1) p_1 (k_2) $p_2 \rightarrow r$ và $r \leftarrow$ (k_1) p_1 (k_2) p_2 ($k_1...k_2$: kết từ là cặp từ/ tổ hợp từ).

Cũng có KTĐH chỉ tổ chức lập luận theo 1 kiểu duy nhất như kết từ *nửa là*, tương

ứng ta có cấu trúc lập luận: $p_1 \rightarrow r$ (nửa là) p_2 . Thí dụ:

(8) a. “Việc này chị (p_1) không làm nổi (r) nửa là em (p_2).” [6, 199]

b. “Tôi làm cật lực (p_1) còn không đủ ăn (r) nửa là để dành (p_2).” [6, 199]

Như vậy, thông qua khảo sát lập luận sử dụng KTĐH trong tiếng Việt có thể thấy, KTĐH có sự chi phối đến tổ chức lập luận ở phương diện số lượng và trật tự sắp xếp các thành phần lập luận. Về phương diện số lượng, KTĐH chi phối số lượng LC tối thiểu của lập luận (với $So = Sk + 1$) nhưng không hạn chế số lượng LC tối đa. Về phương diện trật tự sắp xếp, thông thường KTĐH có thể tổ chức lập luận theo cả ba kiểu (KL đi trước, KL đi sau hoặc KL nằm giữa các LC) nhưng cá biệt một số KTĐH lại không tổ chức lập luận theo cả ba dạng như trên... Nhưng dù ở kiểu sắp xếp nào thì KTĐH vẫn luôn thực hiện chức năng dẫn nhập LC bổ sung (là LC thứ hai, LC thứ ba,...), không phải LC đầu tiên trong lập luận.

2.2. Kết từ đồng hướng với quan hệ giữa các thành phần lập luận

Kết từ lập luận không chỉ chi phối đến số lượng và trật tự sắp xếp các thành phần của lập luận mà còn thể hiện quan hệ giữa các LC và KL. Về cơ bản, quan hệ lập luận được thể hiện qua quan hệ định hướng lập luận và hiệu lực lập luận.

2.2.1. Trong những lập luận có hơn một LC, giữa các LC có quan hệ *định hướng lập luận*, có nghĩa là p_1 , p_2 được đưa ra để hướng đến kết luận r . Khi cả p_1 và p_2 đều hướng đến một KL chung ($p_1 \rightarrow r$, $p_2 \rightarrow r$) ta có các LC đồng hướng lập luận. Khi p_1 , p_2 không cùng chấp nhận một KL chung ($p_1 \rightarrow r$, $p_2 \rightarrow -r$) ta có các LC nghịch hướng lập luận. Quan hệ đồng hướng hay nghịch hướng giữa các LC trong lập luận có thể được chỉ ra thông qua các kết từ lập luận. KTĐH là KT3VT thể hiện quan hệ

đồng hướng giữa các LC, do đó, các LC trong lập luận sử dụng KTĐH sẽ cùng hướng đến một KL chung.

Phân tích các thí dụ ở (2.1) ta thấy chúng đều là những lập luận sử dụng KTĐH, có thể là một hoặc nhiều kết tử. Các LC có thể được sắp xếp liền nhau hoặc gián cách nhau bởi thành phần KL nhưng xét về quan hệ định hướng lập luận, chúng đồng hướng với nhau.

Tuy nhiên, mục (2.1) mới chỉ dừng ở việc khảo sát các lập luận chỉ sử dụng KTĐH. Trên thực tế, KTĐH có phạm vi hoạt động rộng hơn, có thể thực hiện chức năng dẫn nhập LC trong những lập luận ba vị trí nghịch hướng lập luận. Thí dụ:

(9) a. “ – Hừ, chú bảo chú nhớ anh mà chú lại vào nhà thằng hai trước khi đến đây, thế thì phỏng thử chú coi gia giáo nhà ta là cái gì, đuôi lợn lên đầu hừ? [...]

– Thưa anh, em cũng biết thế (p1), *nhưng* vì anh hai đau yếu (p2), *lại* tiện em đi qua nhà, thấy (p3) *nên* vào thăm anh ấy trước (r).” [11, 64]

b. “*Tuy* nói thế (p1) *nhưng* chúng tôi cũng chưa dậy, người nọ có ý đợi người kia (r), *vì* trời lạnh (p2) *mà* ra ngoài chăn kẻ cũng hơi ngại (p3).” [10, 37]

c. “Ý thằng con lão, thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được (p1). *Nhưng* lão không cho bán (r). Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ? (p2). *Vả lại*, bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu? (p3). *Với lại*, nói cho cùng nữa, nếu đăng giá họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì có bán vườn đi cũng không đủ cưới (p4).” [12, 248]

Ta có thể mô hình hóa các lập luận trên như sau:

Thí dụ	Cấu trúc lập luận	Quan hệ định hướng lập luận
(9a)	p1 (nhưng) (vì) p2 (lại) p3 → (nên) r	p1 → - r; p2, p3 → r

(9b)	(tuy) p1 (nhưng) r ← (vì) p2 (mà) p3	p1 → - r; p2, p3 → r
(9c)	p1 (nhưng) r ← p2 (và lại) p3 (với lại) p4	p1 → - r; p2, p3, p4 → r

Ở các lập luận trên có sự xuất hiện của cả 2 loại KT3VT là KTĐH (*lại, mà, vả lại, với lại*) và KTNH (*nhưng, tuy...nhưng*). Xét về mặt chức năng, các KTNH đóng vai trò tổ chức lập luận theo dạng 3 vị trí với 2 vị trí của LC và 1 vị trí của KL; 2 vị trí LC bao gồm: 1 vị trí của thành phần LC không có tác dụng lập luận (vị trí của p1); 1 vị trí của thành phần LC có tác dụng lập luận (vị trí của p2, p3 ở các thí dụ (9a, b); vị trí của p2, p3, p4 ở thí dụ (9c)). KTĐH thì thực hiện chức năng dẫn nhập các LC bổ sung (p2, p3, p4) thuộc vị trí LC có tác dụng lập luận, đồng thời đánh dấu quan hệ đồng hướng giữa các LC ở vị trí này với KL. Như vậy, trong lập luận ba vị trí nghịch hướng lập luận, KTĐH thể hiện quan hệ đồng hướng giữa các LC thuộc phạm vi kết tử này hoạt động, không phải giữa tất cả các LC thuộc cả hai vị trí của lập luận.

2.2.2. Trong một lập luận, các LC có thể có hiệu lực lập luận (force argumentative) khác nhau với KL. Hiệu lực lập luận được hiểu là tác dụng của LC với KL. Nếu p1 hướng đến r, p2 không hướng đến r, ta nói: p1 có hiệu lực với r, còn p2 thì không. Nếu p1 và p2 đều hướng đến r, lúc đó ta có thể xem xét để đánh giá p1 có hiệu lực với r lớn hơn p2 hoặc ngược lại. Như vậy, các LC trong một lập luận có thể có hiệu lực hoặc không có hiệu lực lập luận; có hiệu lực mạnh hơn hoặc yếu hơn.

Trong một lập luận, kết tử là một trong những dấu hiệu cho biết hiệu lực lập luận của các LC. Thí dụ:

(10) a. Chiếc xe này rẻ (p1) *nhưng* không bền (p2), đừng mua (r).

b. Chiếc xe này rẻ (p1) mà lại bền (p2), mua đi (r).

Lập luận (10a) có mô hình: p1 (*nhưng*) p2 $\rightarrow$ r. Sự xuất hiện của KTNH *nhưng* là dấu hiệu cho biết: các luận cứ p1 và p2 nghịch hướng lập luận (p1 $\rightarrow$ - r, p2 $\rightarrow$ r). Do đó, xét về hiệu lực lập luận ta có: p1 không có hiệu lực với r, p2 có hiệu lực với r.

Lập luận (10b) có mô hình: p1 (*mà lại*) p2 $\rightarrow$ r. Sự xuất hiện của KTĐH *mà lại* là dấu hiệu cho biết: các luận cứ p1 và p2 đồng hướng lập luận (p1 $\rightarrow$ r, p2 $\rightarrow$ r). Do đó, xét về hiệu lực lập luận ta có: p1 và p2 đều có hiệu lực với r.

Như vậy, nếu KTNH là dấu hiệu cho biết thành phần LC bao gồm cả LC có hiệu lực lập luận (LC hướng đến KL) và LC không có hiệu lực lập luận (LC không hướng đến KL) thì KTĐH lại cho biết các LC đều có hiệu lực lập luận với KL (các LC đều hướng đến một KL chung). Vấn đề được đặt ra là nếu các LC đều có hiệu lực lập luận thì LC nào có hiệu lực mạnh hơn, LC nào có hiệu lực yếu hơn, và có thể thông qua KTĐH để xác định hiệu lực lập luận của các LC trong lập luận hay không?

Thông thường, trong một lập luận ba vị trí nghịch hướng, LC đi trước không có tác dụng lập luận (p1 $\rightarrow$ - r) còn LC đi sau hướng đến KL (p2 $\rightarrow$ r). Đối với lập luận ba vị trí đồng hướng, các LC đều có hiệu lực lập luận, LC đi sau thường có hiệu lực lập luận mạnh hơn LC đi trước. KTĐH là kết từ chuyên dẫn nhập LC bổ sung (là LC đi sau, không phải LC đầu tiên) nên thường đánh dấu LC có hiệu lực mạnh hơn trong lập luận. Khi lập luận sử dụng các KTĐH như *và*, *và lại*, *và chẳng*, *huống*, *huống hồ*, *huống chi*, *huống nữa*, *nữa là*, *hơn nữa*, *hơn thế nữa*, *lại*, *mà lại*... LC đi sau được dẫn nhập bởi các KTĐH là LC có hiệu lực mạnh hơn LC ban đầu. Thí dụ:

(11). “Y không muốn nói nhiều chuyện tiền nong (r). Ngay đến không phải chỗ thân tình mà còn cò kè với nhau về một vấn đề tiền (p1’), y đã thấy ngược ngùng rồi (r’), *huống hồ* Đích với y là chỗ người nhà, lại là bạn học với nhau từ thuở còn thơ (p2’)

(p1). *Và lại* lúc bấy giờ y không để ý đến số lương. Thất nghiệp gần hai năm rồi, y đang cần một chỗ làm (p2).” [12, 535]

Phân tích lập luận trên ta hiểu: sở dĩ y (nhân vật Thứ trong tác phẩm *Sống mòn* của Nam Cao) không muốn cò kè chuyện tiền lương với Đích (chủ trường tư nơi Thứ đang dạy học) là vì hai lẽ. *Lẽ thứ nhất* (p1): Đích là chỗ thân tình nên Thứ rất ngại bàn chuyện tiền nong. *Lẽ thứ hai* (p2): Thứ bấy giờ đang thất nghiệp, rất cần một chỗ làm.

Lập luận trên có thể biểu diễn qua mô hình: r $\leftarrow$ p1 (*và lại*) p2. Xét về quan hệ định hướng lập luận, ta có các LC đồng hướng với nhau (p1 $\rightarrow$ r, p2 $\rightarrow$ r). Xét về hiệu lực lập luận, những dấu hiệu hình thức như vị trí xuất hiện p2, KTĐH *và lại* dẫn nhập p2 cho thấy: p2 > p1. Việc sắp xếp p2 > p1 về hiệu lực lập luận cũng hoàn toàn hợp lí về mặt nội dung bởi thực tế cuộc sống với những gì chúng ta đã quan sát và trải nghiệm cho thấy hoàn cảnh thất nghiệp (p2) là một lí do rất quan trọng, có thể là chính yếu khiến một người có thể chấp nhận đi làm mà không tính toán nhiều chuyện tiền lương.

Nếu phân tích luận cứ p1, ta thấy p1 là một lập luận con có mô hình: p1’ $\rightarrow$ r’ (*huống hồ*) p2’. Xét về quan hệ định hướng lập luận, ta có: p1’ $\rightarrow$ r’; p2’ $\rightarrow$ r’. Xét về hiệu lực lập luận, những dấu hiệu hình thức như vị trí xuất hiện của p2’, KTĐH *huống hồ* dẫn nhập p2’ cho thấy: p2’ > p1’. Trên phương diện nội dung, p2 > p1 về hiệu lực lập luận là hoàn toàn chính xác bởi theo lẽ thường (topos), việc bàn chuyện tiền nong với chỗ thân tình (p2’) chắc chắn sẽ khiến

chúng ta ngại ngần hơn đối với người ngoài (p1').

Như vậy, kết tử là một dấu hiệu hình thức quan trọng để xác định hiệu lực lập luận của các LC. Vì KTĐH thường dẫn nhập LC có hiệu lực mạnh hơn nên trong việc tổ chức lập luận, chúng ta cần sắp xếp vị trí các LC một cách hợp lí, có sự thống nhất giữa dấu hiệu hình thức và nội dung để tạo nên những lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục với đông đảo người đọc/ người nghe.

3. Kết luận

Như vậy, kết tử là yếu tố chi phối trực tiếp đến tổ chức lập luận mà nó tham gia trên hai phương diện cơ bản là số lượng, trật tự sắp xếp các thành phần lập luận và quan hệ lập luận. Cụ thể, KTĐH chi phối số lượng LC tối thiểu nhưng không hạn chế số lượng LC tối đa trong thành phần lập luận. Hầu hết KTĐH có thể tổ chức lập luận theo 3 kiểu khác nhau, nhưng cũng có KTĐH không sắp xếp các thành phần lập luận theo cả 3 kiểu như trên. Về quan hệ định hướng lập luận, ở dạng lập luận đồng hướng, KTĐH đánh dấu quan hệ đồng hướng giữa các LC; còn ở dạng lập luận nghịch hướng có sử dụng KTĐH, KTĐH đánh dấu quan hệ đồng hướng giữa các LC ở vị trí có sự xuất hiện của kết tử. Về hiệu lực lập luận, KTĐH đánh dấu dạng hiệu lực lập luận phân theo thang độ, trong đó LC được dẫn nhập với KTĐH thường là LC có hiệu lực mạnh hơn với KL của lập luận... Như vậy, KTĐH với đặc điểm riêng về hoạt động và chức năng đã chi phối chặt chẽ tới tổ chức những lập luận mà nó tham gia. Do đó, việc tìm hiểu vai trò của KTĐH nói riêng, của kết tử lập luận nói chung không chỉ hữu ích với trong việc tạo lập và tổ chức lập luận mà còn giúp cho việc lĩnh hội nội dung ý nghĩa

trong mỗi lập luận một cách chính xác và sâu sắc.

Tài liệu tham khảo

1. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb GD, H., 2009.
2. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học (tập 2). Ngữ dụng học*. Nxb GD, H., 2007.
3. Nguyễn Đức Dân, *Nhập môn logic hình thức, logic phi hình thức*. Nxb ĐHQG Hà Nội, 2005.
4. Trần Thị Lan, *Tìm hiểu kết tử đồng hướng lập luận trong tiếng Việt*, Luận văn Thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội, 1994.
5. Nguyễn Minh Lộc, *Tìm hiểu kết tử nghịch hướng lập luận "NHƯNG" trong tiếng Việt*. Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội, 1994.
6. Hoàng Trọng Phiến, *Từ điển giải thích từ hư tiếng Việt*, Nxb Tri thức, H, 2008.
7. Hoàng Phê (cb), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm từ điển Đà Nẵng - Hà Nội, 1992.
8. Kiều Tập, *Các kết tử lập luận "nhưng", "tuy...nhưng", "thế mà/ vậy mà" và các topoi - cơ sở của lập luận*. Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội, 1996.
9. Kiều Tuấn, *Các kết tử lập luận "thật ra/ thực ra", "mà" và quan hệ lập luận*. Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội, 2000.

Tư liệu trích dẫn

10. Thạch Lam – 33 truyện ngắn, Nxb văn học, H, 2009.
11. Tô Hoài, *Đế mèn phiêu lưu kí*, Nxb Kim Đồng, H, 1999.
12. *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, H, 2008.
13. *Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, Nxb Văn học, H, 2009.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 19-03-2012)